THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1415/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình quốc gia về bảo vệ trẻ em và phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật giai đoạn 2026 - 2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Phòng, chống bạo lực gia đình ngày 14 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Trẻ em ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị quyết số 121/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em;

Căn cứ Nghị quyết số 263/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về tiếp tục thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội khóa XIV và khóa XV về giám sát chuyên đề và chất vấn;

Căn cứ Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em;

Căn cứ Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc;

Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững;

Căn cứ Quyết định số 1183/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế tại Tờ trình số 1049/TTr-BYT ngày 17 tháng 6 năm 2026, Tờ trình số 1278/TTr-BYT ngày 09 tháng 7 năm 2026 và văn bản số 5358/BYT-BMTE ngày 20 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình quốc gia về bảo vệ trẻ em và phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật giai đoạn 2026 - 2030 *(sau đây gọi tắt là Chương trình)* với các nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM

Thể chế kịp thời, đầy đủ các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và các cam kết quốc tế về bảo đảm thực hiện quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em và bảo đảm cho trẻ em được sống trong môi trường an toàn, thân thiện, lành mạnh và bình đẳng, được phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, tinh thần, đạo đức và mối quan hệ xã hội.

II. PHẠM VI ÁP DỤNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi áp dụng: Chương trình được thực hiện trên phạm vi toàn quốc.

2. Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 đến năm 2030.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Bảo đảm mọi trẻ em được sống trong môi trường an toàn, lành mạnh; giảm thiểu trẻ em bị xâm hại trên phạm vi cả nước và tạo cơ hội cho trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục, trẻ em lao động trái quy định của pháp luật *(sau đây gọi là lao động trẻ em)*, trẻ em có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác được hòa nhập, phát triển toàn diện góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững liên quan đến trẻ em.

2. Các chỉ tiêu cơ bản phấn đấu đến năm 2030

a) 100% gia đình có trẻ em được cung cấp kiến thức, kỹ năng về bảo vệ trẻ em bằng các hình thức khác nhau; 100% học sinh được hướng dẫn kiến thức, kỹ năng sống, kỹ năng tự bảo vệ trước các hành vi xâm hại trẻ em, bạo lực học đường, bạo lực trên môi trường mạng, kỹ năng phòng ngừa lao động trẻ em với nội dung phù hợp với lứa tuổi;

b) 100% công chức, viên chức, người làm công tác bảo vệ trẻ em trong cơ quan quản lý y tế, giáo dục; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở giáo dục và cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bảo vệ trẻ em được nâng cao năng lực về bảo vệ trẻ em, phòng, chống xâm hại trẻ em, lao động trẻ em;

c) 90% doanh nghiệp đang hoạt động, hợp tác xã, hộ gia đình và cơ sở kinh doanh dịch vụ được cung cấp thông tin, kiến thức, kỹ năng về phòng ngừa, phát hiện, giảm thiểu lao động trẻ em;

d) 100% tỉnh, thành phố triển khai mô hình cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em tích hợp[1]; 95% cấp xã triển khai mô hình cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em liên ngành và 100% cấp xã thành lập phòng điều tra thân thiện;

đ) Giảm tỷ lệ trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục ít nhất 5% mỗi năm; giảm tỷ lệ lao động trẻ em (người từ 05 - 17 tuổi) xuống dưới 1,1%;

e) 100% trẻ em bị xâm hại, trẻ em có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi khi được phát hiện được hỗ trợ, can thiệp kịp thời, phù hợp; 100% yêu cầu trợ giúp pháp lý cho trẻ em được đáp ứng theo quy định của pháp luật;

---

[1] Mô hình cung cấp, kết nối và chuyển tuyến dịch vụ bảo vệ trẻ em đa ngành (y tế, giáo dục, công an, trợ giúp pháp lý, tâm lý, công tác xã hội, an sinh xã hội …).

g) 100% trẻ em bị xâm hại, trẻ em có nguy bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác được quản lý trên hệ thống cơ sở dữ liệu trẻ em và kết nối dùng chung với các hệ thống cơ sở dữ liệu liên quan.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện quy định pháp luật và các cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn, hướng dẫn về bảo vệ trẻ em

a) Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật Trẻ em và các quy định pháp luật có liên quan đến trẻ em đảm bảo phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc tham gia ký kết, nhất là chính sách hỗ trợ các tổ chức, cơ sở, gia đình, cá nhân tham gia cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em;

b) Nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện các quy định về dịch vụ bảo vệ trẻ em; quy trình, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ bảo vệ trẻ em; tiêu chí xác định lao động trẻ em, trẻ em có nguy cơ trở thành lao động trẻ em và cơ chế phối hợp liên ngành về phòng, chống bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em, phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giữa các cơ quan, tổ chức liên quan.

2. Đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ trẻ em và nâng cao năng lực công tác bảo vệ trẻ em

a) Tổ chức triển khai công tác truyền thông, phổ biến kiến thức, kỹ năng, vận động xã hội thực hiện quyền trẻ em, trách nhiệm về bảo vệ trẻ em theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, khai thác thế mạnh của môi trường mạng đảm bảo trọng tâm, trọng điểm, thiết thực và phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng vùng, miền; ưu tiên triển khai tại vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng khó khăn và vùng đồng bào dân tộc thiểu số;

b) Xây dựng, phát triển các chương trình, sản phẩm, tài liệu truyền thông nâng cao năng lực về bảo vệ trẻ em, phòng, chống xâm hại trẻ em, phòng ngừa lao động trẻ em và giáo dục pháp luật về trách nhiệm của gia đình, cá nhân, cơ sở giáo dục, cơ sở trợ giúp xã hội và các cơ quan, tổ chức đối với việc bảo vệ trẻ em, phòng, chống bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em, phòng ngừa lao động trẻ em;

c) Tổ chức bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về bảo vệ trẻ em, trợ giúp pháp lý, phòng, chống bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em, phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em, bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng và công tác xã hội đối với trẻ em cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em, người cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, mạng lưới cộng tác viên, cán bộ quản lý hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác và doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức có liên quan.

3. Phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em

a) Nghiên cứu lồng ghép, kết hợp các dịch vụ y tế, giáo dục, tư pháp, trợ giúp pháp lý và các dịch vụ an sinh xã hội; thúc đẩy liên kết giữa cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em các cấp để phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ liên thông, toàn diện, bảo đảm trẻ em và gia đình được cung cấp dịch vụ kịp thời, hiệu quả;

b) Nhân rộng các mô hình cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em hoạt động chất lượng, hiệu quả, bao gồm dịch vụ bảo vệ trẻ em tích hợp, dịch vụ bảo vệ trẻ em liên ngành, phòng điều tra thân thiện.

4. Đẩy mạnh phòng ngừa, phát hiện và hỗ trợ, can thiệp lao động trẻ em và trẻ em có nguy cơ trở thành lao động trẻ em

a) Tập trung phòng ngừa, phát hiện lao động trẻ em và trẻ em có nguy cơ trở thành lao động trẻ em, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, trong chuỗi cung ứng, cơ sở sản xuất nhỏ lẻ, hộ gia đình, kinh doanh cá thể và các làng nghề;

b) Thực hiện quy trình hỗ trợ, can thiệp lao động trẻ em, trẻ em có nguy cơ trở thành lao động trẻ em, đặc biệt đảm bảo trẻ em được tiếp cận đầy đủ các chính sách, chương trình, dịch vụ an sinh xã hội, giáo dục phổ thông, đào tạo nghề phù hợp và hỗ trợ gia đình có lao động trẻ em, trẻ em có nguy cơ trở thành lao động trẻ em cải thiện sinh kế, đào tạo nghề, giảm nghèo;

c) Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã xây dựng cơ chế tự giám sát, đánh giá nguy cơ lao động trẻ em trong chuỗi cung ứng và thực hiện các biện pháp phòng ngừa phù hợp.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế và thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác bảo vệ trẻ em

a) Đẩy mạnh triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế trong khu vực và trên thế giới; huy động, sử dụng hiệu quả nguồn lực hỗ trợ kỹ thuật từ các tổ chức quốc tế, các đối tác phát triển để thực hiện công tác bảo vệ trẻ em, phòng, chống bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em, phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em;

b) Cập nhật, chuẩn hóa, kết nối dùng chung dữ liệu trẻ em với các hệ thống cơ sở dữ liệu liên quan, đảm bảo an ninh, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân trẻ em; nghiên cứu, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong thu thập, kết nối, chia sẻ dữ liệu về trẻ em có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi, trở thành lao động trẻ em; trẻ em bị bạo lực; trẻ em bị xâm hại tình dục và lao động trẻ em.

6. Thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình

a) Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật, chính sách về bảo vệ trẻ em, phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em; kịp thời xử lý các hành vi bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em, sử dụng lao động trẻ em theo quy định pháp luật;

b) Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0207 "Tỷ lệ người từ 05 - 17 tuổi tham gia lao động" và chỉ tiêu lao động trẻ em (người từ 05 - 17 tuổi); khảo sát, đánh giá thực trạng trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục trên phạm vi toàn quốc;

c) Định kỳ tổ chức giám sát, đánh giá; thực hiện chế độ báo cáo và tổ chức sơ kết, tổng kết thực hiện Chương trình theo quy định; kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có đóng góp cho công tác bảo vệ trẻ em theo quy định.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm, thực hiện theo phân cấp hiện hành và theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước, các quy định pháp luật khác liên quan.

2. Lồng ghép từ các chương trình, dự án có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật và huy động viện trợ, tài trợ và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình đảm bảo đúng mục đích, đối tượng, công khai, minh bạch, hiệu quả, tiết kiệm, không để thất thoát, lãng phí theo quy định của pháp luật.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở Chương trình được phê duyệt, các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình, đảm bảo khả thi, phù hợp thực tiễn, theo đúng tinh thần *"06 rõ: rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả"*.

2. Các Bộ: Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Công an, Nội vụ, Nông nghiệp và Môi trường, Ngoại giao, Công Thương, Tài chính và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì và phối hợp với các bộ, ngành liên quan tổ chức triển khai các nhiệm vụ được giao tại Phụ lục kèm theo, đảm bảo chất lượng, tiến độ. Chủ động cân đối, bố trí kinh phí, nhân lực và các nguồn lực hợp pháp khác theo thẩm quyền để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thường xuyên theo dõi, giám sát, đôn đốc việc triển khai thực hiện nhiệm vụ và kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền đối với những vấn đề vượt thẩm quyền.

Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp phát sinh yêu cầu cần điều chỉnh, bổ sung nội dung Chương trình, các bộ, ngành, địa phương chủ động rà soát, đề xuất, gửi Bộ Y tế để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Bộ Y tế là cơ quan đầu mối, chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra, đánh giá việc triển khai thực hiện Chương trình trên phạm vi toàn quốc; kịp thời tổng hợp tình hình, đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo và kiến nghị Thủ tướng Chính phủ các giải pháp cần thiết nhằm đảm bảo triển khai đồng bộ, hiệu quả Chương trình; định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo về kết quả thực hiện Chương trình; đồng thời tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá việc tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo quy định.

Bộ Y tế chịu trách nhiệm về các nội dung báo cáo, đề xuất, kiến nghị tại Tờ trình số 1049/TTr-BYT ngày 17 tháng 6 năm 2026, Tờ trình số 1278/TTr-BYT ngày 09 tháng 7 năm 2026, văn bản số 5358/BYT-BMTE ngày 20 tháng 7 năm 2026.

4. Bộ Tài chính chủ trì, tổng hợp kinh phí thực hiện Chương trình từ nguồn ngân sách trung ương, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, các quy định pháp luật khác có liên quan và khả năng cân đối ngân sách hằng năm.

5. Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện Chương trình đến các doanh nghiệp, người sử dụng lao động, các đơn vị trực thuộc, các làng nghề đảm bảo thực hiện các quy định của pháp luật về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em.

6. Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chỉ đạo các tổ chức thành viên và các tổ chức xã hội thực hiện việc tuyên truyền, vận động Nhân dân; giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ trẻ em, phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em; tiếp nhận, phản ánh ý kiến, kiến nghị của Nhân dân và phát huy vai trò của mặt trận ở cơ sở trong phát hiện, kết nối, hỗ trợ trẻ em có nguy cơ bị bạo lực, xâm hại, bóc lột sức lao động, trẻ em có nguy cơ trở thành lao động trẻ em nhằm thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các thành viên Ủy ban Quốc gia về trẻ em;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Liên đoàn TM&CN Việt Nam, Liên minh HTX Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục: KTTH, PL, TH, CTTCP;
- Lưu: VT, KGVX (2)36

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phạm Thị Thanh Trà

Phụ lục

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA VỀ BẢO VỆ TRẺ EM VÀ PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU TRẺ EM LAO ĐỘNG TRÁI QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1415 /QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời hạn hoàn thành
I	**Hoàn thiện quy định pháp luật và cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn, hướng dẫn về bảo vệ trẻ em**				
1	Rà soát, đánh giá việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến bảo vệ trẻ em và đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung	Bộ Y tế	Các bộ, cơ quan liên quan	Báo cáo kết quả	Năm 2027
2	Xây dựng các quy định về dịch vụ bảo vệ trẻ em; quy trình, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ bảo vệ trẻ em; tiêu chí xác định lao động trẻ em, trẻ em có nguy cơ trở thành lao động trẻ em	Bộ Y tế	Các bộ, cơ quan liên quan	Quyết định của cấp có thẩm quyền	Năm 2028
3	Cơ chế phối hợp liên ngành về phòng, chống bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em	Bộ Y tế	Các Bộ: Công an, Giáo dục và Đào tạo,	Quy chế phối hợp	Năm 2027
4	Cơ chế phối hợp liên ngành về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em	Bộ Y tế	Các bộ, cơ quan: Công an, Giáo dục và Đào tạo, Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	Quy chế phối hợp	Năm 2027

II	**Đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ trẻ em và nâng cao năng lực trong công tác bảo vệ trẻ em**				
1	Tổ chức triển khai công tác truyền thông, phổ biến kiến thức, kỹ năng, vận động xã hội thực hiện quyền trẻ em, trách nhiệm về bảo vệ trẻ em	Bộ Y tế UBND các tỉnh, thành phố	Các bộ, cơ quan liên quan	Báo cáo kết quả *(hàng năm)*	2026-2030
2	Xây dựng các chương trình, sản phẩm, tài liệu và tổ chức truyền thông bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về bảo vệ trẻ em, trợ giúp pháp lý, phòng, chống bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em, phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em, bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng và công tác xã hội đối với trẻ em				
2.1	Về bảo vệ trẻ em, phòng, chống bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em, phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em; bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng; công tác xã hội đối với trẻ em cho đội ngũ công chức, viên chức, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã, người cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, cộng tác viên bảo vệ trẻ em	Bộ Y tế, UBND các tỉnh, thành phố	Các bộ, cơ quan liên quan và các địa phương	- Văn bản phê duyệt các chương trình, tài liệu, sản phẩm của cấp có thẩm quyền *(hoàn thành năm 2026)* - Báo cáo kết quả các hoạt động truyền thông, bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực *(hàng năm)*	2026-2030
2.2	Về bảo vệ trẻ em, phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em, phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em cho cán bộ công an làm công tác điều tra; hướng dẫn phòng ngừa, cảnh báo sớm, kiểm tra và bảo vệ, hỗ trợ trẻ em phát triển lành mạnh, tích cực trên môi trường mạng	Bộ Công an, UBND các tỉnh, thành phố			
2.3	Về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em trong lĩnh vực nông nghiệp	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND các tỉnh, thành phố			

2.4	Về bảo vệ trẻ em, phòng, chống bạo lực học đường, xâm hại tình dục trẻ em, phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em, xây dựng trường học an toàn, thân thiện, không bạo lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của các cơ sở giáo dục	Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND các tỉnh, thành phố			
2.5	Về bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng; phòng, chống bạo lực gia đình; xây dựng gia đình an toàn, yêu thương, không bạo lực; cung cấp thông tin, kiến thức, kỹ năng về phòng ngừa, phát hiện, giảm thiểu lao động trẻ em cho gia đình, đội ngũ phóng viên, biên tập viên các cơ quan báo chí	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND các tỉnh, thành phố			
2.6	Về sử dụng lao động chưa thành niên theo quy định của pháp luật cho người sử dụng lao động, đặc biệt chú trọng đến người sử dụng lao động ở khu vực kinh tế phi chính thức	Bộ Nội vụ, UBND các tỉnh, thành phố			
2.7	Về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em và bảo vệ trẻ em trong chuỗi cung ứng cho doanh nghiệp, người sử dụng lao động, các đơn vị trực thuộc, hợp tác xã, các làng nghề	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, UBND các tỉnh, thành phố			

III	**Phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em**				
1	Nghiên cứu lồng ghép, kết hợp các dịch vụ y tế, giáo dục, tư pháp, trợ giúp pháp lý và các dịch vụ an sinh xã hội; thúc đẩy liên kết giữa cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em các cấp	Bộ Y tế	Các bộ, cơ quan liên quan và các địa phương	Báo cáo kết quả	Năm 2027
2	Triển khai mô hình cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em tích hợp, dịch vụ bảo vệ trẻ em liên ngành	Bộ Y tế	Các Bộ: Công an, Tư pháp, Giáo dục và Đào tạo, các bộ, cơ quan liên quan và các địa phương	- Văn bản hướng dẫn *(hoàn thành năm 2026)* - Báo cáo kết quả *(hàng năm)*	2026-2030
3	Tổ chức triển khai thực hiện mô hình phòng điều tra thân thiện	Bộ Công an	Các địa phương	- Văn bản hướng dẫn *(hoàn thành năm 2026)* - Báo cáo kết quả	Năm 2028
IV	**Đẩy mạnh phòng ngừa, phát hiện và hỗ trợ, can thiệp lao động trẻ em và trẻ em có nguy cơ trở thành lao động trẻ em**				
1	Xây dựng hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện quy trình hỗ trợ, can thiệp lao động trẻ em và trẻ em có nguy cơ trở thành lao động trẻ em	Bộ Y tế, UBND các tỉnh, thành phố	Các bộ, cơ quan liên quan và các địa phương	- Văn bản hướng dẫn *(hoàn thành năm 2026)* - Báo cáo kết quả *(hàng năm)*	2026-2030
2	Xây dựng hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện quy trình phát hiện, can thiệp sớm, hỗ trợ đối với học sinh có nguy cơ trở thành lao động trẻ em; hỗ trợ lao động trẻ em, trẻ em có nguy cơ trở thành lao động trẻ em tiếp cận chính sách, chương trình, dịch vụ giáo dục phổ thông và đào tạo nghề phù hợp	Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND các tỉnh, thành phố	Các bộ, cơ quan liên quan và các địa phương	- Văn bản hướng dẫn *(hoàn thành năm 2026)* - Báo cáo kết quả *(hàng năm)*	2026-2030

3	Xây dựng hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em trong lĩnh vực nông nghiệp; tổ chức đào tạo nghề nông nghiệp về kiến thức, kỹ năng, tay nghề	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND các tỉnh, thành phố	Các bộ, cơ quan liên quan và các địa phương	- Văn bản hướng dẫn *(hoàn thành năm 2026)* - Báo cáo kết quả *(hàng năm)*	2026-2030
4	Hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã xây dựng cơ chế tự giám sát, đánh giá nguy cơ lao động trẻ em trong chuỗi cung ứng và thực hiện các biện pháp phòng ngừa phù hợp	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam UBND các tỉnh, thành phố	Các bộ, cơ quan liên quan và các địa phương	Văn bản hướng dẫn	Năm 2026
V	**Tăng cường hợp tác quốc tế và thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác bảo vệ trẻ em**				
1	Huy động, sử dụng hiệu quả nguồn lực hỗ trợ kỹ thuật để thực hiện công tác bảo vệ trẻ em, phòng, chống bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em, phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em	Bộ Y tế	Các Bộ: Ngoại giao, Công Thương các bộ, cơ quan liên quan và các địa phương	Báo cáo kết quả *(hàng năm)*	2026-2030
2	Cập nhật, chuẩn hóa, kết nối dùng chung dữ liệu trẻ em với các hệ thống cơ sở dữ liệu liên quan	Bộ Y tế	Bộ Công an, các bộ, cơ quan liên quan và các địa phương	Cơ sở dữ liệu về trẻ em được thu thập, cập nhật và chuẩn hóa	2026-2030
3	Nghiên cứu, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong thu thập, kết nối, chia sẻ dữ liệu về trẻ em có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi, trở thành lao động trẻ em; trẻ em bị bạo lực; trẻ em bị xâm hại tình dục và lao động trẻ em	Bộ Y tế	Bộ Công an, các bộ, cơ quan liên quan và các địa phương	Báo cáo kết quả *(hàng năm)*	2026-2030

VI	**Thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình**				
1	Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật, chính sách về bảo vệ trẻ em, phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em	Thanh tra Chính phủ và các Bộ: Y tế, Nội vụ, Nông nghiệp và Môi trường, Công an, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, cơ quan liên quan và các địa phương	Báo cáo, kết luận thanh tra, kiểm tra	2026-2030
2	Tổ chức thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0207 "Tỷ lệ người từ 05 - 17 tuổi tham gia lao động" và chỉ tiêu lao động trẻ em (người từ 05 - 17 tuổi)	Bộ Tài chính	Bộ Y tế, Bộ Nội vụ, các bộ, cơ quan liên quan và các địa phương	Báo cáo kết quả *(hoàn thành năm 2029)*	2028-2029
3	Tổ chức khảo sát, đánh giá thực trạng trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục trên phạm vi toàn quốc	Bộ Y tế	Bộ Công an, Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan liên quan và các địa phương	Báo cáo kết quả *(hoàn thành năm 2028)*	2027-2028